

Bản án số: 181/2023/DS-PT
Ngày 10 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLPT-DS ngày 01/02/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 762/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1986;

2. Ông Huỳnh Thiện T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, đường Đ, Khu phố A, Phường D, Thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hiền T1, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Đ, Khu phố A, Phường D, Thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ liên lạc: Số C Đ, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1974; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Kim Thoa E, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số E, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim T2 Em:* ông Trần Văn C;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T là ông Phạm Hiền T1 trình bày:

Trước đây vào năm 2015, 2016 thì bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T cho vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim T2 Em vay tiền 04 lần vào các ngày 03/4/2015, 06/7/2015, 18/8/2015, và ngày 15/01/2016 với tổng số tiền làm tròn là 750.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, có làm biên nhận vay tiền, vay không có thời hạn; quá trình vay vợ chồng ông C, bà T2 có đóng lãi được 129.000.000 đồng; đến ngày 23/4/2017 thì vợ chồng ông C, bà Thoa E có làm tờ cam kết có nội dung: Ông C, bà T2 Em nợ lãi bà H, ông T là 13 tháng với số tiền là 292.000.000 đồng và cam kết thời gian trả từ ngày 23/4/20217 đến ngày 23/12/2017 trả số tiền 100.000.000 đồng, phân nhỏ ra trả mỗi tháng là 11.000.000 đồng; từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/12/2018 trả số tiền 400.000.000đồng, mỗi tháng trả 35.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của bà Lê Thị H. Ông C, bà Thoa E có chuyển khoản trả cho bà H đến ngày 21/01/2020, tổng số tiền lãi là 178.000.000 đồng; ông C, bà Thoa E ngưng trả lãi, gốc cho đến nay. Do ông C, bà Thoa E vi phạm cam kết trả tiền nên nay ông T, bà H yêu cầu ông C, bà Thoa E trả lãi của từng món vay kể từ ngày cho vay cho đến ngày xét xử 05/10/2022, mức lãi suất là 1,66%/tháng, tổng số tiền lãi là 764.372.594 đồng; tổng cộng là: 1.525.186.000đồng (gốc: 750.000.000đồng, lãi 775.186.000đồng); ông T, bà H đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận là 307.000.000đồng cho ông C, bà Thoa E. Do thời gian qua ông C, bà Thoa E không trả tiền cho nguyên đơn nên quyền lợi của bà H, ông T bị thiệt thòi. Nay ông T, bà H yêu cầu ông C, bà Thoa E có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền còn nợ là 1.525.186.000 (gốc: 750.000.000đồng, lãi 775.186.000 đồng) và yêu cầu giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án sau này; Yêu cầu hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để bà H, ông T nhận số tiền đang bị phong tỏa tại ngân hàng V chi nhánh B.

Trong quá trình giải quyết vụ án , người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn C là chị Phan Thị Ngọc T3 và ông Nguyễn Văn T4 đồng trình bày:

Quà lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H và ông Trần Văn C về việc vay 04 lần từ năm 2015 đến năm 2016, mức lãi hai bên thỏa thuận là 3%/tháng; mục đích vay để kinh doanh buôn bán là đúng; còn việc bà H, ông T yêu cầu ông C trả tổng số tiền là 1.525.186.000 đồng (gốc: 750.000.000 đồng; lãi 775.186.000) là ông C không đồng ý với lý do:

Kể từ khi vay đến ngày 29/3/2016 ông C, bà Thoa E đã trả cho bà H số tiền lãi 129.000.000 đồng trên mức lãi 3%/tháng. Sau khi ông C viết tờ cam kết trả nợ cho bà H, ông T; sau đó bà Thoa E, ông C có chuyển trả vào tài khoản của bà H là 178.000.000 đồng tiền gốc có hóa đơn chứng từ kèm. Theo tờ giấy xác nhận tờ cam kết thì ông C còn nợ lãi bà H từ ngày 30/3/2016 đến ngày 23/12/2017 là 13 tháng lãi, số tiền là 292.500.000 đồng, thì trong tờ cam kết này ông T, bà H đồng ý cho ông C ngưng lãi từ ngày 23/4/2017, ông C chuyển tiền hàng tháng 11.000.000 đồng cho bà H ; từ ngày 21/02/2020 cho đến nay do ông C khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả gốc cho ông T, bà H. Tờ cam kết này là sự thỏa thuận kết nợ, ông T, bà H đồng ý cho ông C, bà Thoa E trả hàng tháng 11.000.000 đồng tiền gốc, ông C chuyển vào tài khoản của bà H tổng số tiền gốc là 178 triệu đồng. Nay ông C đồng ý trả lãi theo qui định kể từ ngày 21/02/2020 cho đến ngày 05/10/2022, mức lãi suất là 0,83%/tháng, do đây là vay không có thỏa thuận thời hạn. Ông C thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền gốc là 678.578.200 đồng, tiền lãi là 146.437.176 đồng. Tổng cộng gốc lãi: 825.015.376 đồng.

Việc ông T, bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà Thoa E cùng trách nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số tiền là 1.525.186.000 đồng là ông C không đồng ý, vì ông C, bà Thoa E đã ly hôn; sau khi ly hôn thì ông C còn phải nuôi con bị bệnh khuyết tật nên ông C yêu cầu Tòa án xét miễn giảm án phí cho ông C (có chính quyền địa phương xác nhận).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Kim Thoa E trình bày:

Qua lời trình bày và yêu cầu của ông Trần Văn C thì bà Thoa E thống nhất. Bà Thoa E và ông C hiện đã ly hôn nên nay bà yêu cầu số nợ của bà H và ông T thì bà và ông C chia đôi mỗi người trả một nửa trả cho bà H, ông T. Hiện tại bà Thoa E đang bị bệnh ung thư nên không có khả năng chi trả; bà đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí cho bà Thoa E. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, bà T2 Em cam kết sẽ không có khiếu nại gì về sau.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 05/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 92 , khoản 2 Điều 227, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; NQ 01/2019/ NQ-HĐ-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm a Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T đối với bị đơn bà Nguyễn Kim Thoa E và ông Trần Văn C.

- Buộc bà Nguyễn Kim Thoa E và ông Trần Văn C cùng trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T tổng số tiền là 1.525.186.000 đồng (gốc: 750.000.000 đồng, lãi 775.186.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà H, ông T), nếu người phải thi hành án (ông C, bà Thoa E) chưa thi hành số tiền nêu trên cho bà H, ông T thì hàng tháng ông C, bà Thoa E còn phải chịu lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 20/2022/QĐ-BP KCTT ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để đảm bảo thi hành án sau này cho đến khi đương sự có yêu cầu.

3. Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/BPBD ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đối với tài khoản số: 0071001311379 tại Ngân hàng V, chi nhánh B, số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2022, bị đơn ông Trần Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lại phần tiền lãi cho phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của ông C yêu cầu tính lại tiền lãi là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn C; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tính lại phần tiền lãi và sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn C; Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn C kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn C:

[1.1] Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Kim T2 Em có vay tiền 04 lần của bà Lê Thị H và ông Huỳnh Thiện T, cụ thể: Ngày 03/4/2015 vay 150.000.000 đồng ; ngày 06/7/2015 vay 220.000.000 đồng ; ngày 18/8/2015 vay 200.000.000 đồng và ngày 15/01/2016 vay 183.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay làm tròn là : 750.000.000 đồng. Quá trình vay, ông C và bà Thoa E đã trả đã được 129.000.000 đồng tiền lãi; đến ngày 23/4/2017 ông C đã viết tờ cam kết hẹn trả mỗi tháng là 11.000.000 đồng, ông C, bà Thoa E đã trả được 178.000.000 đồng (bà H, ông T cho rằng đây là tiền lãi, còn ông C , bà Thoa E cho rằng đây là tiền vốn) và ông C1, bà Thoa E ngưng trả kể từ ngày 23/01/2020 cho đến nay. Do ông C, bà Thoa E không trả tiền theo cam kết ngày 23/4/2017 nên ông T, bà H đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà Thoa E có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng của từng khoản vay kể từ khi vay đến ngày 05/10/2022.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Hiền T1 xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền vay gốc 292.500.000 đồng; nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết số tiền vay gốc 750.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 03/4/2015 của từng khoản vay kể từ khi cho vay đến ngày 05/10/2022 với mức lãi suất là 1,66%/tháng và đồng ý trừ tổng số tiền lãi mà bà H đã nhận của ông C, bà Thoa E là 307.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án sau này.

[1.3] Như vậy, bà H và ông T yêu cầu ông C và Thoa E có trách nhiệm liên đới trả cho bà H và ông T tổng số tiền là 1.525.186.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 775.186.000 đồng).

[1.4] Xét thấy, việc bà H và ông T tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với số tiền gốc 292.500.000 đồng là phù hợp theo qui định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc rút yêu cầu này được Tòa sơ thẩm chấp nhận và nhận định trong bản án về nội dung đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi số tiền vay gốc 292.500.000 đồng của bà H, ông T đối với bà Thoa E và ông C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm không tuyên nội dung này tại phần Quyết định của bản án là có thiếu sót, vì vậy cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm.

[1.5] Xét kháng cáo của ông C yêu cầu tính lại tiền lãi: Xét thấy, tờ cam kết ngày 23/4/2017 phía ông C cho rằng thỏa thuận tính lãi 3%/tháng là không phù hợp, nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 129.000.000 đồng theo tờ xác nhận nợ ngày 23/4/2017 là tiền lãi; nguyên đơn cũng thống nhất mức lãi này không phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính lại tiền lãi (về thời gian tính lãi và mức lãi suất vay) của bà H, ông T đối với ông C, bà Thoa E là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự ; thời gian tính lãi kể từ ngày 03/4/2015 đến ngày 05/10/2022

theo từng phần vay như nhận định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, cụ thể như sau:

- Số tiền vay 150.000.000 đồng, vay từ ngày 03/4/2015 – 05/10/2022 là 07 năm ($150.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 7 \text{ năm}$) = 209.160.000 đồng; ngày 03/4/2022 – 05/10/2022 là 186 ngày ($150.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\% \times 186/365 \text{ ngày}$) = 15.226.521 đồng.

- Số tiền vay 220.000.000 đồng, vay từ ngày 06/7/2015- 05/10/2022 là 07 năm, 92 ngày. Cụ thể: Từ ngày 06/7/2015 – 05/7/2022 là 7 năm, từ ngày 06/7/2022- 05/10/2022 là 92 ngày; mức lãi $1,66\% \times 12 \text{ tháng} = 19,92\%/năm$.

$220.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 7 \text{ năm} = 306.768.000 \text{ đồng};$

$220.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 92/365 \text{ ngày} = 11.046.000 \text{ đồng}.$

- Số tiền 200.000.000 đồng, vay từ ngày 18/8/2015- 05/10/2022. Cụ thể: Từ ngày 18/8/2015 – 17/8/2022 là 07 năm ($200.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 7 \text{ năm}$)= 278.880.000 đồng; từ ngày 18/8/2022 – 05/10/2022 là 49 ngày; ($200.000.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 49/365 \text{ ngày}$) = 5.348.384 đồng.

- Số tiền vay 183.500.000 đồng, thời gian vay ngày 15/01/2016 đến ngày 05/10/2022 là 06 năm 264 ngày, mức lãi $1,66\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 19,92\%/năm$, tiền lãi được tính: ($183.500.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 6 \text{ năm}$) = 219.319.200 đồng; từ ngày 15/01/2022-05/10/2022 là 264 ngày; tiền lãi được tính ($183.500.000 \text{ đồng} \times 19,92\%/năm \times 264/365 \text{ ngày}$)= 26.438.479 đồng.

Tổng số lãi của 04 khoản vay là 1.082.186.000 đồng; trừ số tiền lãi bà H, ông T đã nhận 02 lần là 307.000.000 đồng, số lãi thực nhận là 775.186.000 đồng.

[1.5] Ông C kháng cáo cho rằng phía nguyên đơn ông Huỳnh Thiện T có đồng ý cho ông C ngưng đóng lãi theo tờ cam kết ngày 23/4/2017, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn không thừa nhận việc này. Ông C cũng không có chứng cứ chứng minh nên kháng cáo phần này của ông C không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cách tính tiền lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật, do đó Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T; buộc vợ chồng ông C, bà Thoa E có trách nhiệm liên đới trả cho bà H, ông T tổng số tiền 1.525.186.000 đồng (trong đó tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 775.186.000 đồng) sau khi đã khấu trừ số tiền lãi 307.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là có căn cứ. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, kháng cáo của ông Trần Văn C là không có căn cứ nên không

chấp nhận; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trần Văn C không được chấp nhận, nên ông Trần Văn C phải chịu án phí phúc thẩm (theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; NQ 01/2019/ NQ-HĐ-TP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC; điểm a Điều 13

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T đối với bị đơn bà Nguyễn Kim Thoa E và ông Trần Văn C.

1.1. Buộc bà Nguyễn Kim Thoa E và ông Trần Văn C cùng trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T tổng số tiền là 1.525.186.000 đồng (gốc: 750.000.000 đồng, lãi 775.186.000 đồng).

1.2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà H, ông T), nếu người phải thi hành án (ông C, bà Thoa E) chưa thi hành số tiền nêu trên cho bà H, ông T thì hàng tháng ông C, bà Thoa E còn phải chịu lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 20/2022/QĐ-BP KCTT ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre cho đến khi có quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/BPBD ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đối với tài khoản số:

0071001311379 tại Ngân hàng V, chi nhánh B, số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Huỳnh Thiện T đối với bị đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim Thoa E về số tiền vay vốn là 292.500.000 đồng.

5. Chi phí thu thập chứng cứ là 10.000.000 (Mười triệu đồng) nguyên đơn bà H, ông T đã nộp xong; mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ là 5.000.000 (Năm triệu đồng); ông C, bà Thoa E phải hoàn trả lại cho bà H, ông T số tiền là 5.000.000 (Năm triệu đồng).

6. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

6.1. Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Kim T2 Em được giảm án phí 50%, số tiền phải chịu là 16.003.000 (Mười sáu triệu không trăm ba nghìn đồng).

6.2. Bà Lê Thị H và ông Huỳnh Thiện T không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà H, ông T số tiền 38.080.500 (Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005339 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

7. Án phí phúc thẩm : Bị đơn ông Trần Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009937 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông C đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt